

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 3 - 2023

V/v: Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc và ông Nguyễn Xuân Thi

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 316/2023/QĐ-ST ngày 17 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 247/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Ngô Văn H**, sinh năm 1982

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: **Thôn T, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**, có mặt;

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1985

Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: **Thôn G, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**. Hiện cư trú tại: **R.14 Etage 2 li 13057 Berlin L, Cộng hòa liên bang Đ**. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh **Ngô văn H1** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Ngô Văn H** và chị **Nguyễn Thị N** quen biết nhau tại Cộng hòa liên bang **Đ** và đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/01/2016 tại **Đ1** tại **C liên bang Đ**. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do quan điểm sống không phù hợp nên năm 2019 anh **H** về Việt Nam, còn chị **N** ở lại **Đ**. Sau đó chị **N** có về Việt Nam do mẹ ruột chị **N** mất đến đầu năm 2020 thì chị **N** trở lại **Đ** và từ đó vợ chồng không

liên lạc với nhau nữa. Trong thời gian vợ chồng sống xa nhau không hề quan tâm gì đến nhau, cuộc sống vợ chồng bỏ mặc, mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh **H** yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị **Nguyễn Thị Na**.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung tên là **Nguyễn Hoàng Kim Cương V** (nữ), sinh ngày 29/01/2014 hiện đang sống cùng với mẹ tại Cộng hòa liên bang **D**, nếu ly hôn anh đề nghị giao con chung cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh **H** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị **Nguyễn Thị N** hiện đang làm việc và cư trú tại địa chỉ: R.14 Etage 2 li 13057 **Berlin L**, Cộng hòa liên bang **D**. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với bị đơn chị **Nguyễn Thị N** thông qua Cơ quan đại diện Việt Nam tại Cộng hòa liên bang **D** nhưng không có kết quả.*

Tòa án báo thân nhân của chị **N** là ông **Nguyễn Thanh H2** (bố đẻ chị **N**) đến Tòa án vào lúc 08 giờ ngày 17/02/2023 để làm việc liên quan đến sự vắng mặt của chị **N** và việc anh **H2** xin ly hôn chị **N**. Tuy nhiên ông **H2** không có mặt theo ngày giờ quy định.

Tại phiên tòa anh **H2** vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh **Ngô Văn H** được ly hôn chị **Nguyễn Thị N**; Về con chung đề nghị xử giao cháu **Nguyễn Hoàng Kim Cương V**, sinh ngày 29/01/2014 cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh **H** đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng; về tài sản chung và nợ chung: không xem xét; các đương sự chịu án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý của nguyên đơn, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Công văn số 12403/QLXNC-P5, ngày 16/6/2022 của **Cục Q - Bộ C** thì chị **Nguyễn Thị N** đã xuất nhập cảnh rất nhiều lần,

lần gần nhất chị **N** xuất cảnh ra nước ngoài từ ngày 13/01/2020 qua sân bay quốc tế **D** chưa có thông tin nhập cảnh trở lại; Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức tổng đạt đến Cơ quan đại diện Việt Nam tại Cộng hòa liên bang **D** để tổng đạt văn bản tố tụng và thu thập chứng cứ đối với chị **Nguyễn Thị N** theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không có kết quả. Căn cứ khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **Nguyễn Thị Na**.

[2] Về nội dung:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Hội đồng xét xử xét thấy anh **Ngô Văn H** và chị **Nguyễn Thị N** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại **D1** tại Cộng hòa liên bang **D** nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo như anh **H** trình bày, quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì năm 2019 anh **H** về Việt Nam và từ đó vợ chồng không hề quan tâm, liên lạc hỏi thăm nhau, cuộc sống vợ chồng không có tình cảm. Xét thấy, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh **Ngô Văn H** được ly hôn chị **Nguyễn Thị Na**.

[2.2]. *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có một đứa con chung, cháu **Nguyễn Hoàng Kim Cương V**, sinh ngày 29/01/2014 hiện đang sống với chị **N** tại Cộng hòa liên bang **D** nên không có ý kiến trình bày nguyện vọng; Hội đồng xét xử xem xét cần giao cháu **Nguyễn Hoàng Kim Cương V** cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh **H** đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

[2.3]. *Về quan hệ tài sản*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí, lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài*: Anh **H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 3.180.000 đồng lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 147, Điều 153; các Điều 228, Điều 469, 474, 475; khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh **Ngô Văn H** được ly hôn chị **Nguyễn Thị Na**.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cháu **Nguyễn Hoàng Kim Cương V**, sinh ngày 29/01/2014 cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh **H** đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi cháu **Nguyễn Hoàng Kim Cương V** trưởng thành 18 tuổi.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không ai có yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí, lệ phí*: Anh **H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng anh **H** đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án tại biên lai số 31AA/2021/0004965 ngày 29/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; anh **H** phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Anh **H** phải chịu 3.180.000 đồng tiền lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng và đăng tin trên VOV5 (đã nộp đủ tại Tòa án).

5. Án sơ thẩm xử công khai, anh **H** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị **N** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Đức;
- Niêm yết tại UBND xã Lộc Ninh;
- Lưu Toà DS, HSVA, VP.

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn